



‡ *Chí Nam dịch và giới thiệu*

Ngày mai ai có về quê ngoại,
Sông Cửu thênh thang,
nước cuộn phù sa.

Một trong những đặc điểm nổi bật của Việt Nam là nguồn tài nguyên thiên nhiên thật dồi dào: than đá, dầu hỏa, gỗ quý, tôm, tép, v.v... Đặc biệt, miền nam Việt Nam là vùng đất thật trù phú nhờ sông Cửu Long mang đất phù sa và tôm cá đầy kho. Cũng nhờ Cửu Long mà miền Nam có được một hệ thống giao thông vận tải đường thủy thật phong phú.

Nhưng điều ít ai để ý là sông Cửu Long phát xuất từ đâu, chảy qua bao nhiêu nước, và tài nguyên thiên nhiên mà Cửu Long đem lại cho dân chúng như thế nào???

Để biết rõ thêm về những điểm này, xin mời quý bạn đọc cùng biên tập viên Thomas O'Neill của tạp chí National Geographic ... xuôi dòng sông Cửu.

Ở cao độ 15 ngàn bộ (4.4 km) của Cao Nguyên Tây Tạng tại Trung Quốc, chẳng thứ gì có thể che dấu nổi. Tuyết chảy lẹ như tên bắn. Người chăn thú Tây Tạng Meiga, thúc ngựa của anh trong cơn bão, tuyệt vọng tìm kiếm một ghềnh đá cho chúng tôi trú chân. Khi quan độ (độ quan

sát) giảm xuống gần zero, điều duy nhất chúng tôi có thể làm là dừng lại và cởi đồ trên ngựa xuống. Ngồi sát lại với nhau, đầu cúi xuống lặng lẽ, chúng tôi đành để cho cơn bão tấn công chúng tôi.

Đột nhiên Meiga nói, “Một điềm lành,” trong khi khuôn mặt với lưỡng quyền cao của ông hướng vào những bông hoa tuyết đang rơi lả tả. “Khi quý vị đến được ngọn núi thánh, thời tiết sẽ đột ngột thay đổi. Con sông bắt đầu tại đó—cũng chẳng cách đây

bao xa đâu.”

Vừa chờ bão dứt vừa nhai miếng thịt khô do Meiga cung cấp, tôi nghĩ về những gì đã xảy ra từ đầu chuyến đi cho đến nay, cũng như về quãng đường mà chúng tôi phải đi còn bao xa.

Mục tiêu của tôi là xuôi dòng Mekong, con sông dài thứ 12 trên thế giới và thứ 7 tại Á Châu. Con sông này khởi nguồn từ một nơi nào đó trong cái vùng tuyết giá này và chấm dứt cách đây khoảng 2,600 dặm ngoài vùng bờ ấm áp của Biển Nam Hải, dọc ven biển Việt Nam. Tôi biết rằng đây là một cuộc hành trình dài nhiều khó khăn.

Để đến được nơi này, tôi đã phải đi hàng ngàn dặm trên một chiếc xe jeep cũ của quân đội từ thành phố Xining, thủ phủ của Tỉnh Quỳnh Hải, Tàu. Con đường thô sơ gồ ghề càng lúc càng lên cao hơn, mãi đến cao độ 15 ngàn bộ thì đoạn cuối con đường chấm dứt ngay tại phía bắc của biên giới Tây Tạng. Từ đó, bên con sông đóng băng, đã có sẵn hai lều của dân chăn thú. Nhiếp ảnh gia Mike Yamashita và tôi đã đóng lều tại



Dân chăn ngựa địa phương gọi đây là “nguồn nước thánh”. Sau khi khấn khứa xong, Meiga tìm nơi dựng lều tránh gió.

gần đó.

Những người chăn thú này đã quan sát chúng tôi lúc đến và chiều hôm đó đã mời chúng tôi vào một căn lều của họ. Đây là một nơi mờ mờ tối, có nhiều khói với những túi ngủ xếp thành từng chồng ở một bên. Tại đó có Meiga, vợ ông, Daiji, với cái vòng đeo đầu làm bằng bột biển, mu rùa, vỏ sò, và những đồng bằng bạc va chạm leng xeng khi bà di chuyển; sáu người con; cùng với anh vợ Daiji tên Bucairen, là một người đã già rụng răng.

Daiji đãi chúng tôi bằng thứ bánh tròn làm toàn bằng bột mì. Bucairen đổ đầy ly bằng trà mạn khô. Chúng tôi đã hỏi họ về nguồn gốc sông Mekong.

Ông vừa chất phân lừa để đốt sưởi, mắt hướng nhìn lên lỗ thoát khói trên trần, vừa nói, “Có hai nguồn nước. Một nguồn bắt từ núi, nằm mãi cao trên đỉnh băng. Nơi đó chẳng có ai tới cả. Và nguồn còn lại là nguồn nước thần, nằm phía sau núi thánh.”

Meiga nói thêm, “Dân chăn thú chúng tôi tin rằng có một vị thần tên là Zajiadujiaawangzha—chúng tôi gọi là rồng—ngự trị tại núi thánh và giữ gìn nguồn nước. Chúng tôi tin rằng nếu ông uống nước nguồn, ông sẽ được sống lâu. Thú vật ở đây cũng uống thứ nước này. Con sông này là máu chảy vào cơ thể chúng tôi.” Sau cùng ông thuận đưa chúng tôi tới nguồn thánh vào sáng ngày hôm sau, ở cách đây 25 dặm về phía bắc.

Vào sáng sớm chúng tôi lên ngựa mà tay chân lạnh cóng. Chúng tôi cưỡi thứ ngựa Mông Cổ thấp, những chiếc bờm dài của chúng bay phất phới trong gió lạnh. Ông đã làm cho hình ảnh mình nổi bật trên lưng ngựa với vòng đeo đầu nạm những hạt bạc tròn và một cây chông nhọn bằng

ngọc trai cắm vào dây thắt lưng da cừu của ông.

Chúng tôi lặng lẽ cưỡi ngựa. Quanh đây chỉ có tiếng gầy gập của cỏ đóng băng dưới chân ngựa và tiếng leng keng của những chiếc chuông nhỏ gắn trên dây cương. Cao nguyên này nối liền với vùng tây nam bằng một mồm nhọn và dốc của rừng Tanggula, chạy dọc theo biên giới Tây Tạng và tỉnh Quỳnh Hải của Tàu. Xa xa phía ngoài sườn của rừng núi này là những tảng băng khổng lồ cung cấp nước cho con sông dài nhất Á Châu, sông Dương Tử, con sông dài 4000 dặm chảy băng ngang Trung Quốc. Một cơn lốc tuyết bỗng bất ngờ quét tới.

Lúc này, khi mọi người nấp sau lưng ngựa, tôi tự hỏi không biết chúng tôi có nên quay về hay không. Đột nhiên cơn lốc chấm dứt, nhường chỗ lại cho bầu trời xám xám. Sau một tiếng đồng hồ cưỡi ngựa, chúng tôi tới một ngọn đồi chơ vơ hình nón.

Meiga nói, “Ngọn núi thánh.” ông tới một túi cột trên yên ngựa và lôi ra một xấp giấy mầu viết chi chít kinh Phật. Miệng hét lớn, tay tung xấp giấy lên không trung,

ông sung sướng ngắm nhìn những tờ giấy tung bay theo gió.

Sắp sửa đến lượt tôi phải hét. Chúng tôi cưỡi ngựa sau núi và tìm thấy nơi rìa núi một lá băng rộng khoảng 300 yard (khoảng 280 m) có dạng dài như một đồng hồ cát. Cúi sát mặt băng tôi có thể nghe được tiếng những giọt nước rơi phía dưới. Đây là nơi khởi đầu của sông Mekong, mà cứ như tôi biết, thì Mike và tôi là hai phóng viên Tây Phương đầu tiên nghe được.

Tôi thả ngựa dọc theo tảng băng cho đến khi nước bắt đầu chảy và lượn quanh một khu vực cô tịch. Chúng tôi cả người lẫn ngựa đều cúi xuống uống nước này để được sống lâu. Tiếng hét của tôi là một lần thở hít không khí tuyệt vời nhất mà trong đời tôi khó tìm thấy.

Từ nguồn này, sông Mekong chảy khoảng một nửa đường trong lãnh thổ Trung Quốc, rồi tới biên giới, băng ngang qua Miến Điện, Lào, Thái-lan, Cam-bốt và Việt Nam. Tôi có thể khám phá ra rằng con sông này mang nhiều tên: Thạch



Giang (Sông Đá), Long Phi Giang (Rồng Chạy), Loạn Giang (Sông Chảy Loạn), Mẫu Không Giang (Sông Mẹ Không), Đại Thủy Giang (Sông Nước Lớn), Sông Cửu Long. Dọc theo con sông này là những đế quốc, vương quốc và thuộc địa đã từng chỗi dậy và sụp đổ; những chính quyền kế nhiệm đã lao vào chiến tranh và đổ máu. Chết và khổ nhục là huyền thoại của con sông này.

Trong suốt thủy trình sông Mekong đi từ hoang đại và tự nhiên sang nhịp độ khó đoán: theo mùa, theo từng trận lụt, theo từng con nước, để mang nước và phù sa bồi đắp đất đai và nuôi dưỡng dân cư dọc theo hai bên bờ sông. Suốt thủy trình, con sông chỉ băng qua một thành phố, một cái đập, vài cây cầu, mà không băng qua khu kỹ nghệ nào.

Nhưng nhờ điểm này mà tôi nhận ra sự thay đổi của nó. Lần đầu tiên trong nửa thế kỷ, súng đạn—hoặc chiến tranh—mới im tiếng. Các chính quyền, đã bị cô lập từ lâu với dân số nghèo nàn gia tăng, đang mở rộng biên giới và tìm đầu tư nước ngoài. Sông Mekong cũng giữ một vai trò trong đó; có thể là khó khăn, thay đổi, không còn hoang dã nữa; cũng như đời sống của dân cư dọc hai bờ sông.

Khi tôi xuôi dòng khoảng một trăm dặm về khu phố bụi bặm Dạ-đới, hàng tá nguồn nước từ ngọn núi cao đã biến thành băng lỏng tuôn thành một dòng nước xoáy cuộn lẫn đất sét nâu rộng hàng trăm bộ.

Xe jeep của tôi, bị gãy lò xo nhún, đã leo lên Dạ-đới vào một buổi chiều nọ, tài xế phải bám còi để tách dạt người dòng người đạp xe và ngựa để có đường đi. Thành phố gồm toàn những nhà vách đất rải rác đó đây và một số cao ốc ảm đạm xây theo kiểu chung cư của



Với nước trong chảy vài ngàn dặm đầu, Mekong, người Tàu gọi là Loạn Giang, vượt qua thung lũng tại tỉnh Dung-năng, làm thành đập thủy điện Man-hoa.

chính quyền.

Tại đây các bà lão qua lại với những chuỗi hạt xoay tròn trong tay. Đám thanh niên tụ tập tại một ngõ hẻm. Họ cười vang khi một toán đàn ông mang cuộc xéng đang từ từ đi trên đường về phía nhà tù sau một ngày lao động khổ sai ngoài đường.

Một viên chức thành phố đã xin lỗi chúng tôi vì sự thiếu chỉnh đốn cũng như thiếu những sinh hoạt giải trí. Tuy nhiên ông nhấn mạnh có đến 75% nóc nhà ở đây có ti-vi. Mỗi tối, một ăng ten đĩa nhận sóng từ 2 đài truyền hình tại Bắc-kinh để truyền hình lại. Tôi ngủ trong một nhà nghỉ ngơi của chính quyền. Căn phòng này có 5 chiếc giường, một lò than, với nền phòng làm bằng xi măng. Vì bị cúp điện, tôi phải đọc sách bằng một chiếc đèn pin nhỏ.

Ngày hôm sau tôi thẳng đường để đến chùa Giao Quỳnh đã được xây cất 500 năm nay, nằm trên một sườn núi về phía hạ lưu sông cách đây vài dặm. Tôi được một vị sư bận đồ có khăn tím thăm tiếp đón.

Theo lời ông cho biết thì chùa này gồm có 50 sư sãi chuyên nghiên cứu kinh Lạt-ma, là một

phái Phật Giáo Mahayana phổ biến tại Tây Tạng. Chùa này, cũng như những chùa khác, đã bị cấm hoạt động đến 10 năm trong suốt Cuộc Cách Mạng Văn Hóa Trung Cộng cho mãi đến năm 1979 mới được mở cửa trở lại.

Khi đến thiền viện, chúng tôi được một vị sư tóc râu bạc trắng cầm gậy vái chào. Ông là vị đại lạt ma, Tudinangjia. Ông đã vào chùa từ hồi 8 tuổi, trở thành đại lạt ma năm 29 và nay đã 70 tuổi.

Nhiều vị sư trẻ theo chúng tôi vào thiền viện. Với đầu cạo trọc, khuôn mặt lem luốc, và thái độ tò mò, họ làm cho chúng tôi có cảm tưởng như họ là những hướng đạo sinh vô tư hay e thẹn.

Tudinangjia tự mình ngồi xếp bằng trên một bục thấp. Cặp mắt sáng rỡ của ông trông vẫn đầy ánh trẻ trung. Ông cho biết sinh hoạt hàng ngày của các sư sãi ở đây bắt đầu ngay từ lúc bình minh; họ đọc kinh, học theo những kỷ luật khác nhau, và cầu khẩn. Nhiệm vụ của đại sư phụ là “yêu người, thăm nhuần kinh kệ, và ghi nhớ để có thể dạy lại cho các đệ tử.”

Khi được đưa xuống đồi, tôi hỏi một vị sư điều gì sẽ xảy ra cho

vị sư già Tudinangjia khi ông chết đi, thì được trả lời, “Sư phụ sẽ siêu thoát. Các sư sãi khác sẽ thiên táng [sky burial] xác ông.” Nhà sư giải thích rằng thiên táng có nghĩa là cắt nhỏ xác ông thành nhiều mảnh vụn để các loài muông thú tới ăn. Ông cho biết, “Chúng tôi tin rằng một tu sĩ phải dùng xác mình làm quà cho những sinh vật khác.”

Ông chỉ tay vào sân chùa. Năm hoặc sáu con quạ xám sẽ tranh nhau lượm xương dư. Ông nói, “Xương ngựa. Chúng tôi nuôi quạ để chúng ở lại đây. Để được ăn xác chúng tôi khi chúng tôi sẵn sàng cho chúng ăn.”

Tôi mất đường xuôi dòng Mekong khoảng 500 dặm. Chính quyền Trung Cộng đã cắt giấy cho phép tôi di chuyển bằng qua Tây Tạng và phần ba lãnh thổ phía bắc của Tỉnh Dung-năng (Yunnan). Đây là vùng có những cảnh trí hùng vĩ nhất, là nơi con sông xuống thung lũng bên dưới 2 dặm.

Sau này tôi mới biết chính quyền phải ra lệnh cho tôi thay đổi lộ trình vì họ không muốn người ngoại quốc chứng kiến việc tập trung quân đội trong vùng hoặc bất kỳ cuộc biểu tình chống chính quyền nào có thể xảy ra, cũng là dịp có thể xảy ra bất bớ: kỷ niệm 40 năm cộng sản Trung Quốc chiếm Tây Tạng.

Tiếp tục cuộc hành trình tại Dung-năng, tôi nhận thấy con sông rất khó theo. Đường bộ thì xa xôi. Chỉ có một số đường mòn dẫn đến một khoảng đá ven sông để ngắm cảnh. Khi tôi kiếm được khúc sông có thể di chuyển được nằm ở 20 dặm phía tây một hầm mỏ lớn tại Lan-bình (Lanping), thì đó là chỗ nước sông gầm thét, rơi xuống từ ghềnh đá thẳng đứng cao 3000 bộ.

Người Tầu chỉ có một chiếc cầu treo đơn giản bằng ngang. Tại

một số chỗ cây cầu treo chỉ có một sợi dây cáp thép. Tôi đứng ngắm người lớn và trẻ em từ những làng mạc trong vùng lách qua lách lại trên chiếc cầu như những người làm xiếc đi dây trên mặt sông.

Cây cầu cổ nhất trong số sáu, bảy cây cầu bằng ngang sông Mekong—mà tất cả đều ở Tầu—ở tỉnh Bảo-sang (Baoshan) gần Mỹ-an-mai (Myanmar). Đây là cây cầu siêu vẹo có nền bằng kim loại gọi là cầu Gong Guo. Cầu được xây cất trong thập niên 1930 nhằm nối liền Đường Miến-điện, là tiếp lộ bằng núi dẫn từ Miến-điện vào Trung Hoa trong thời Thế Chiến Thứ II.

Các viên chức Trung Cộng thì cho rằng cây cầu là một điểm nối cho con buôn ma túy mang bạch phiến vào từ Miến-điện vào Tầu. Ở đây không có trạm kiểm soát nào; thay vào đó cảnh sát trực sẵn ở sơn quan (cửa vào núi). Trong vòng một giờ mà tôi chỉ thấy có hai xe vận tải cũ mềm ị ạch chạy ngang.

Vào khoảng 125 dặm hạ lưu cây cầu là thủy đập duy nhất trên sông Mekong. Tôi đang đi dọc theo một con đường hẹp hai bên có tre bao phủ. Tàì xế của tôi thỉnh thoảng phải cho xe chạy chậm lại để vượt qua một người đi săn không giầy dép trong tay có cầm khẩu súng trường. Đột nhiên bức tường của một cao ốc 35 tầng mọc lên từ ven sông giữa hai sườn núi.

Mặt trước và sau của tòa nhà bám đầy mạng nhện, có lòi những thanh sắt đúc bê-tông trên có treo những bức hình công nhân nhỏ xíu. Cái phễu cao 40 bộ—dùng làm đường dẫn nước—được thu nhỏ dọc hai bên sườn núi. Chính con sông đã được dặt như một con chó cột xích vào một nơi ở đó nước sông đổ thẳng xuống.

Đây là đập Man-hoa (Manwan). Đập được khánh

thành năm 1995 với khả năng cung cấp 1500 megawatt thủy điện cho hệ thống hầm mỏ và nhà máy gần thủ đô Cung-minh (Kunming) của tỉnh Dung-năng.

Cai xếp Du Văn Long cho biết, “Con sông này giống như một hầm mỏ nhiều khoáng sản. Thủy lượng của nó thật là lớn.” Trung Cộng dự tính trong vòng ba thập niên tới sẽ xây thêm tám đập thủy điện dọc theo sông Mekong nhằm gia tăng phát triển một trong những vùng chậm tiến nhất của họ. Bồn chứa nước này có thể trải dài như những bậc thềm nhà trong phạm vi 300 dặm tính từ biên giới Hoa-Lào trở lên.

Tại Dinh-hồng (Jinghong), cách biên giới Trung Quốc khoảng 30 dặm, tôi nhận ra mình đã bước vào vùng nhiệt đới. Chợ búa ở đây có bày bán đầy đủ, dừa và dứa. Phụ nữ thiếu số người Đại bậ quần áo với những màu sắc sỡ như bướm bướm và chim—cam tươi, xanh da trời, hồng.

Dân làng, thay vì sợ hãi hoặc lãng quên con sông, thì lại đón mừng nó. Các cậu con trai lao xuống tắm sông từ một bờ cao. Phụ nữ thì giặt quần áo và gội đầu trên sông. Một số khác căng xà-rông trong gió và nắng ấm bên những cây hoa lily.

Vào một đêm nọ tôi gia nhập làn sóng người đạp xe đến cầu Mekong để hưởng gió sông mát rượi. Bên dưới chúng tôi, đàn ông con trai chèo tấp nập trên sông bằng thuyền độc mộc, lượm gỗ đem ra chợ bán.

Hướng dẫn viên du lịch nhà nước Ái Diên nói với tôi, “Trong phần đất này của thế giới, chẳng có gì bị phí phạm cả.” Tôi nghĩ rằng đúng vậy, tại Trung Quốc dòng Mekong cũng phải làm việc; cái thời kỳ là một dòng sông hoang dã chảy siết của nó đã đến lúc chấm dứt.

Ra khỏi Trung Quốc, sông Mekong chảy giữa Miến-điện và Lào, biến thành một biên giới thiên nhiên giữa hai quốc gia, rồi tới Thái-lan. Tại nơi đây—giao điểm của ba nước—là trái tim của vùng Tam Giác Vàng huyền thoại, nơi hầu hết ma túy thế giới được trồng tĩa và biến chế. Đã từ lâu nơi đây là một vùng của chủ nhân ông chiến tranh và những đoàn con buôn có vũ trang cưỡi lừa, chở theo những tảng ma túy.

Khi đến Sob Ruak, một thôn Thái-lan nằm bên sông Mekong tại ngay trung tâm tam giác, tôi chẳng thấy con lừa nào hết mà chỉ thấy những xe buýt lảng cuống và những du khách Âu Châu. Trên sườn đồi đã từng sừng sững sẵn hai khách sạn du lịch; cái thứ ba đang được xây cất trên bờ sông thuộc lãnh thổ Miến-điện.

Quân đội Thái đã đẩy đám chế biến và những đoàn con buôn ma túy khỏi vùng, để thay thế dịch vụ ma túy bằng dịch vụ du lịch. Các du khách có thể đáp phi cơ từ Bangkok đến Chiang Rai, nằm ở khoảng 40 dặm phía nam Sob Ruak. Sau đó họ có thể đến đây bằng xe bus. Vào khoảng thời gian giữa tháng 11 và tháng 5, tức mùa nắng, hai khách sạn du lịch tràn ngập những du khách.

Theo lời Marc Cremonux, quản lý người Pháp của khách sạn Baan Boran, một trong hai khách sạn, thì, “Chính cái tên

của vùng này đã thu hút du khách. Tôi đã nghe các du khách bàn với nhau, ‘Đây chính là nơi sản xuất ma túy.’ Chính điều này đã làm cho ngành du lịch nở rộ. Người ta nghĩ rằng họ đang phiêu lưu, mặc dù họ đang ở trong khách sạn năm sao và đang đi xe bus có máy điều hòa không khí.”

Tại đây tội ác, hoặc ít là dư hưởng của nó, vẫn phải trả giá.

Từ Tam Giác Vàng, khi sông Mekong chảy ngoặt qua phía đông vào khu rừng rậm của thượng du Lào, một lần nữa nó lại trở thành một con sông hoang dã. Lào có diện tích bằng khoảng kích thước Anh Quốc nhưng chỉ có khoảng bốn triệu rưỡi dân. Đây là một quốc gia toàn rừng núi, nghèo nàn, và cách biệt với thế giới bên ngoài. Sông Mekong chính là cánh cửa của Lào ra thế giới.

Từ năm 1975 Lào đã nằm trong quyền kiểm soát của đảng cộng sản Pathet Lao, gần đây đã bớt bảo thủ. Con sông biên giới với Thái-lan một lần nữa lại được mở cửa trở lại; tự do nghề nghiệp và đầu tư ngoại quốc lại được cho

phép. Nhưng Lào vẫn còn phập phồng về các phóng viên Tây Phương.

Một trong vài nơi chính quyền Lào cho phép tôi được thăm viếng trên sông Mekong là một đền thờ trên bờ sông phía bắc, nơi có số tượng Phật còn đông hơn số người thăm viếng mỗi tháng. Bảy ngàn tượng Phật này nằm trong động Pa-cao (Pak-Ou), là hai cửa lõm chõm trên mặt dưới của một núi đá vôi, nằm ở 20 dặm thượng lưu sông tính từ thủ đô của triều đình cũ là Louangpharabang.

Thuyền chúng tôi cập bến, tôi bước theo người hướng viên du lịch nhà nước, Thong Chanh, lên những bậc thang thật dốc. Chúng tôi tiến vào một nơi ẩm thấp lờ mờ sáng. Hàng trăm tượng Phật, hầu hết không cao quá hai bộ, được đặt đứng trên những kệ, hướng mặt ra sông Mekong. Nhìn những pho tượng thẳng đứng bất động, tôi có cảm tưởng đây là một ca đoàn sẵn sàng cất tiếng hát.

Chanh ngả chiếc mũ baseball trước những pho tượng này. Anh nói, “Dân Louangphrabang đã bắt đầu đem những pho tượng này lại đây vào thế kỷ thứ 16 khi thủ đô bị tấn công. Từ đó đến nay, trong

suốt dịp Pi Mai, là ngày Tết của chúng tôi trong tháng Tư, dân làng thường đem hoa đến hiến và đem nước hoa đến tắm rửa cho các pho tượng.”

Những pho tượng này hầu hết đều bị nứt nẻ hoặc sứt mẻ và phủ đầy những bụi bậm và mạng nhện. Tuy vậy, tổng hợp lực lượng của những



Tam Giác Vàng, nơi tập trung ma túy thế giới, cũng là giao điểm của biên giới ba nước Miến-Thái-Lào.

nụ cười Phật vô tư này dường như đã tắt con sông xám phía dưới bằng một cảm giác hòa bình, một thứ mà tôi khó cảm được ở bất kỳ nơi nào khác khi xuôi dòng sông Cửu.

Trên chuyến đáp thuyền trở lại, Chanh đề nghị chúng tôi nên đến thăm làng Ban Don là nơi anh sinh ra. Khi chúng tôi đến nơi, dân làng trên bờ sông đang cuộc và tuổi những khoảng hành xanh um cũng như những vùng trồng đậu Chanh nói, “Họ làm việc thật vất vả mỗi ngày. Ngay cả vụ đánh cá năm nay cũng rất kém.” Anh kéo chiếc mũ lưỡi chai thấp hơn và nói, “Hy vọng một ngày nào đó tôi có thể giúp họ. Nhưng chính tôi cũng nghèo quá cỡ.”

Hai trăm dặm phía hạ lưu thủ đô cũ, sông Mekong một lần nữa lại chảy ra từ nội địa để hình thành một đoạn biên giới Lào-Thái. Tính từ chỗ này, thủ đô Vạn-tượng của Lào nằm ở phía hạ lưu 100 dặm. Đây là một thành phố màu đất khiêm tốn với dân số 125 ngàn người. Hầu hết nhà cửa trong thành phố là loại nhà trệt. Một trong những cái thú của tôi là tản bộ dọc bờ sông vào những buổi sáng, ngắm nhìn những hạm thuyền chở khách nhỏ qua lại giữa Vạn-tượng và cảng Nông Khai của Thái, nằm ở khoảng vài dặm phía hạ lưu. Tại đây người Lào chất đầy hành lý vào thuyền, nhét đầy các va ly, bao bì khi lên đường đến Nông Khai, rồi trở về với những món hàng tuyệt diệu, tân kỳ họ vừa mua. Cảnh này đã xảy ra liên tục kể từ ngày hai bên được tự do trao đổi năm 1989. Một cây cầu sẽ được cất lên để nối liền hai quốc gia vào năm 1994.

Những chiếc phà chở khách nghỉ trưa trong khoảng hai tiếng nên trong suốt thời gian này người Lào, thoải mái trước sự bận rộn của người Thái, có thể đánh một

giấc trưa ngắn. Đến trưa đường phố lại nhộn nhịp trở lại với tiếng xe gắn máy và khách bộ hành. Chữ tiếng Anh “xuất-nhập cảng” được đánh bóng trên những tấm bảng có treo tứ tung trong những khu thương mại của thành phố. Kể từ khi lệnh bãi bỏ cấm ngoại quốc đầu tư được đưa ra từ năm 1987 cho đến nay, đã có 225 thương ước, hầu hết về hãng sản xuất vải và công ty buôn bán, đã được ký kết mà phần lớn là giữa Lào và Thái.

Chanthao Pathammavong, giám đốc Công Ty Ngoại Thương Lào, Ltd, làm thương mại trong tỉnh thần Lào. Bà yêu cầu du khách cởi giày, còn riêng bà thì vẫn quần sin, tức là loại váy cổ truyền của người Lào.

Một phụ nữ 45 tuổi, đã từng làm công nhân ngân hàng nhà nước, phát biểu, “Chúng tôi có quá nhiều điều cần học hỏi. Chúng tôi phải làm việc với hệ thống kiểm soát phẩm chất [QC], luật tư hữu, tín khoản dài hạn, nghiên cứu thị trường. Hiện nay chúng tôi được phép tư lợi, nhưng chính quyền lấy hết đến 45%—thật là quá cao.”

Một phòng trưng bày bên lề đường của bà có bày các thứ hàng—máy điều hòa không khí, máy photo, bơm nước—tất cả đều được nhập từ Thái-lan. Hàng xuất cảng của bà là thịt trâu muối và da bò cho một cơ sở thuộc da tại Thái-lan.

Cũng như nhiều người Lào khác, bà lo ngại rằng Thái-lan, với dân số 56 triệu và một nền kinh tế đa dạng, sẽ tràn ngập nước bà: “Chúng tôi không muốn suốt đời phải nhập cảng. Chúng tôi muốn xây dựng một nền kinh tế độc lập, nhưng điều này đòi hỏi nhiều thời gian.”

Các chuyên gia tin rằng mọi thứ Lào có thể bán là thủy điện

năng. Hầu hết những chặng sông Mekong có nhiều trữ năng nhất đều nằm trong lãnh thổ của quốc gia này.

Gần đây một cơ quan tại Bangkok được Liên Hiệp Quốc bảo trợ tái nộ kế hoạch xây cất bốn đập thủy điện khổng lồ trên phần hạ lưu sông Cửu Long. Cái đầu tiên được đưa ra cứu xét là đập Pa Mong, nằm ở 12 dặm phía thượng lưu Vạn-tượng. Đập trị giá 2.8 tỉ mỹ kim, nhưng sẽ chiếm nơi cư ngụ và đất đai của 60 ngàn dân Lào.

Các phân tích gia Thái-lan cho rằng các đập thủy điện có thể làm gián đoạn chu kỳ dâng nước và việc sinh sản cá—và do đó con số dân làng bị mất nơi cư trú kể trên là quá cao.

Biện pháp sau cùng sẽ do các thành viên của Ủy Ban Mekong gồm Lào, Thái Lan, Cam-bốt, Việt Nam và có thể là Trung Cộng (là nước có ý gia nhập) quyết định.



Giấc mộng thời thế kỷ 19 của các nhà thám hiểm Pháp muốn dùng sông Cửu Long để làm đường buôn bán với Tàu đã bị vỡ tan vì thác Khôn, là một trong những thác nước ở Hạ Lào. Tại đây có rất nhiều loại cá, trong đó phải kể đến tứ cá lăng khổng lồ dài gần ba thước và nặng đến 300 kg.

Một viên chức thuộc Ủy Ban Sông Mekong Toàn Quốc Lào tiết lộ với tôi, “Chúng tôi vẫn chưa có quyết định nào về vấn đề Pa Mong. Có quá nhiều trở ngại. Nhưng chúng tôi khó có thể xuất cảng nông sản hoặc lâm sản, trong khi rất dễ dàng xuất cảng điện năng. Chúng tôi có một thị trường khổng lồ là Thái-lan. Tôi chẳng thấy phương pháp nào khác để có thể thu được ngoại tệ cả.”

Sông Mekong chảy ra khỏi Lào một cách ngoạn mục, bọt nước và khối nước lao vào một thác lớn dài sáu dặm mang tên Thác Khone. Khi con sông chảy tới Cam-bốt thì nó lại thay đổi. Không còn ghềnh thác với sức nước chảy dữ dội như trước mà trở thành một con sông rộng từ hai đến ba dặm với nước lũ. Khu vực sông chảy qua cũng trở nên bằng phẳng và lưu lượng chan hòa nhờ các sông phụ Kong, San, Srepok và Krieng.

Khi tôi nói chuyện với các viên chức chính quyền Phnom Penh lần đầu, họ miễn cưỡng cho phép tôi xuôi dòng Mekong, đặc biệt ở phía bắc. Lực lượng Khmer Đỏ, đảng phái đáng sợ đã cai trị nước trong bốn năm tẩm máu, đang tấn công các làng mạc trong vùng.

Những lực lượng này đã ký kết hòa ước, nhưng họ vẫn được võ trang. Trong suốt thời gian cai trị, chế độ Khmer Đỏ đã tiêu diệt khoảng một triệu người Cam-bốt, tức khoảng một phần tám dân số; những nạn nhân này đã hoặc bị giết hoặc bị cưỡng bách khổ sai.

Nhưng tôi đã cương quyết, và các viên chức nhượng bộ, để rồi di chuyển về một nhánh sông hướng bắc bằng một chiếc khinh thuyền (thuyền chạy lẹ)—tốt hơn là phải lấp đạn sẵn vào súng. Các viên chức đi chung với tôi đều có mang súng lục trong túi hoặc trong

rương. Người lái thuyền để một khẩu AK-47 ngay chân.

Đây là một nhánh sông trơ trọi, với các làng mạc nằm rải rác cách nhau từ 20 đến 30 dặm. Không có thuyền bè qua lại, ngoại trừ một vài chiếc thuyền chở khách, đám đông hành khách chen nhau ở quày tính tiền. Dòng người chen lấn đến và đi đã lau sạch mồ hôi của chúng tôi.

Thế rồi, trong một buổi trưa nóng bức nọ, chúng tôi cảm thấy có luồng gió mát thổi vào mặt, và các đợt sóng bắt đầu đập vào mạn thuyền. Gió đã thay đổi. Cơn gió đầu mùa thổi liên tục từ Ấn Độ Dương từ tháng Năm đến tháng Chín nay nhường bước cho cơn gió mát hơn, khô hơn thổi từ Mông-cổ. Mùa mưa đã chấm dứt, một mùa trồng trọt mới lại chớm nở.

Cá mú đã bắt đầu tiến về phía bắc theo chu kỳ sinh sản hàng năm. Từ một làng nọ, thanh niên và phụ nữ xuống sông để hốt đợt cá này bằng lưới vớt. Những chú cá vẩy bạc chiếu ánh nắng khi giẫy dụa trong lưới.

Cả làng xôn xao hứng khởi. Có người nói, “Từ hôm nay tôm cua và ếch sẽ ăn ngon hơn.” Kẻ khác phụ họa, “Ngay cả sấm sét cũng khác nữa.” Trong giây phút ngắn ngủi, trước sự thay đổi của thiên nhiên, súng lục, AK-47, và ngay cả Khmer Đỏ cũng bị quên lãng.

Nhưng người Cam-bốt dù làm việc cực nhọc vẫn không quên những ngày đen tối dưới chế độ Khmer Đỏ. Tại thành phố Kompong Cham, tọa lạc tại 50 dặm đông bắc Phnom Penh, một viên chức địa phương đã dẫn tôi đi xem “cánh đồng chết.” Toàn bộ những thị xã từ lớn đến trung bình của Cam-bốt đều có một cánh đồng chết; đó là nơi Khmer Đỏ đã tập trung kẻ thù để tàn sát họ.

Chúng tôi lái xe lên một ngôi chùa nằm trên đỉnh một ngọn đồi và tản bộ xuống một cánh đồng toàn bụi cây. Viên chức này nói, “Có trên 300 ngôi một tập thể tại đây. Ngôi lớn có chứa khoảng từ 150 đến 200 người. Quân Khmer Đỏ đã tập trung người từ khắp nơi gần đây rồi đem họ đến đây. Họ có thể là trí thức, viên chức chính quyền, thương gia giàu, hoặc những người ngoan cố. Họ bị bịt mắt, bắt xếp thành hàng dài, rồi bị đánh bằng những ống sắt, búa, và gây cho đến chết.

Đã có hàng ngàn người bị giết nơi đây. Chúng tôi đã chở đi mười xe bò xương.”

Tản bộ ngang qua bụi cây, tôi có thể nhìn thấy một mẫu xương và quần áo trên mặt đất. Thật là khủng khiếp. Tôi nửa hy vọng chim trên cây ngừng hót và bắt đầu la lên bằng tiếng người.

Ở một cái chòi ngoài bìa cánh đồng có chứa sọ người, chồng trên mặt đất như một bức tường đã sụp. Hướng dẫn viên của tôi, Men Saman, nói, “Thôi, về đi.” Ký ức cũ dường như dậy lên trong anh ta: “Tất cả những gì tôi có thể nghĩ tới là ăn côn trùng và thần lằn, là luôn luôn đói. Và rồi tôi chợt động tâm nghĩ tới anh tôi và chị tôi đã phải chết đói. Tôi không muốn ở đây nữa.”

Phnom Penh, một thành phố với 950 ngàn dân, nay trông tiêu điều xơ xác và ủ dột, giống như một vật đã bị bỏ ngoài mưa quá lâu. Bức tường của những biệt thự một thời lịch sự kiểu Pháp và những hàng lang buôn bán nay đã trở nên tàn lụi với rong rêu và nứt nẻ. Một cây cầu nổ tung trong chiến cuộc 1972 nay vẫn tanh banh. Bến cảng có những xe chứa hàng đã han rỉ và trống rỗng bên trong.

Khi Khmer Đỏ tiến quân vào thành phố tháng Tư năm 1975, họ

lập tức lừa dân ra khỏi thành phố, đẩy họ đến những nông trại tập thể, bỏ tù, giết chóc. Hiện nay thành phố và đất nước này đang cố gắng tái thiết. Một thỏa hiệp hòa bình đã được ký kết năm 1991 giữa chính quyền, phe Khmer Đỏ, và hai phe du kích kháng chiến. Những cuộc bầu cử đã được ấn định vào tháng Năm năm 1993. Hai mươi ngàn quân thuộc lực lượng gìn giữ hòa bình Liên Hiệp Quốc đã được gửi đến để bảo đảm cho cái hiệp định mong manh này.

Vào năm 1991 chính quyền cũng ngưng không còn tiếp tục cho mình là cộng sản và bắt đầu tư hữu hóa nền kinh tế. Đã có những dấu hiệu thay đổi. Ông hoàng yêu quý Norodom Sihanouk đã trở lại cung vua. Một phà chở hàng của Tân-gia-ba đã đến cảng, chất lên những xe Nhật mới. Ở Tân Khách Sạn các thương gia Cam-bốt từ Nhật, Tân-gia-ba, Thái-lan, Mã-lai-á, và những quốc gia khác đến tìm thương ước.

Tôi muốn tìm hiểu thêm về đời sống mới của thành phố. Phnom Penh, tôi đã khám phá ra, là một thành phố điên loạn vì ciné. Những hàng dài bên ngoài các rạp chiếu bóng trên Đại Lộ Achar Mean, là con đường chính, đầy nhóc những toán xe cộ bị kẹt. Một trong những thần tượng chính là Khay Praseth, tài tử trong phim Naughty Boys. Cái khuôn mặt đẹp trai với đôi mắt buồn ngủ của anh in trên những poster được dán khắp nẻo thành phố. Tôi đã gặp anh khi anh đang tập đóng cuốn phim sắp ra đời tại một biệt thự trong thành phố.

Khay nói với tôi khi đang trang điểm, “Tôi không bao giờ ngưng. Tôi đã đóng có lẽ cả trăm phim trong vòng ba năm qua.” Nhìn ánh mắt ngạc nhiên của tôi, anh nói với giọng chán ngán, “Phải, khi tôi bước ra ngoài, hầu hết mọi

người đều nhận ra tôi, đặc biệt là mấy cô.” Cuộc phỏng vấn bị gián đoạn, Khay phải nhảy lên giường và ngạc nhiên vì một cô bạn gái đã ẩn sẵn trong đó. ... Hoặc cái kiểu tương tự như thế này. Mà tôi chẳng muốn nói trắng ra.

Một trưa nọ tôi đi lang thang vào “Đường English,” một khu phố gồm toàn nhà hai tầng, cách cung vua không xa. Giữa năm giờ và sáu giờ ngày thường, khu phố tràn ngập những trẻ em đi xe đạp và xe gắn máy. Họ đi thẳng từ trường đến đây trong những bộ đồng phục áo sơ mi trắng, quần xanh thẫm hoặc váy. Họ tập trung dưới một tấm bảng đề, “Essential English Offered Here [Ở Đây Có Dạy Căn Bản Anh Ngữ Chính Yếu].”

Một em gái thích: “Tôi không muốn nói tiếng Pháp như cha mẹ tôi. Bây giờ là thời đại Anh Ngữ ... ngôn ngữ của thương mại.”

Tôi theo vài chục em học sinh bước lên vào trong một phòng đầy những bàn. Những học cụ bằng hình được gắn đầy trên tường. Vị giáo sư là một người đàn ông trẻ, Ney Youda, nguyên là một phóng viên. Anh đã mở lớp này được hai năm.”

Khom lưng dán mắt vào một cuốn sách nhàu nát, Ney Youda

đọc một câu chuyện có phân đoạn tiếng Anh tựa đề, “Margaret Priestley’s Birthday Morning.” Nhưng ông đã khó có thể bắt đầu đọc khi bóng đèn điện duy nhất đột nhiên tắt ngấm, trả lại bóng tối cho lớp học. Chẳng có ai ta thán gì cả. Hai nữ sinh đứng dậy sờ soạng đốt ngọn đèn dầu trên tường.

Vào giờ kể, khi cả lớp đang học về một nữ sinh xuất sắc người Anh và một ngày đặc biệt của cô, ngọn đèn điện lại vụt sáng trở lại, nhưng không sáng quá vài phút. Ney Youda nói, “Tình trạng kiểu này xảy ra hàng ngày. Năm ngoái chúng tôi còn chưa có điện nữa cơ. Nhưng làm ơn, bây giờ ông hãy dạy chúng tôi một cái gì đi.”

Ngạc nhiên, tôi tự nhiên bật ngay ý tưởng “bút sắc hơn gươm đao” trong đầu. Tôi viết ngay câu đó trên bảng. Câu này có nghĩa gì, các bạn trẻ bật tiếng hỏi tôi sau khi họ đã lập đi lập lại câu đó mấy lần. Tôi đáp, “Có nghĩa là sách có thể dạy các em nhiều điều nhưng súng không thể dạy.” Chợt nghĩ tới các cánh đồng chết, tôi tự hỏi không biết câu này có đúng hay không.

Sau đó giờ Anh Văn chấm dứt. Mỗi em bỏ lại 150 riel—tức vài cents—trên bàn rồi vội vã về nhà,



Một căn nhà tại nam Cam-bốt vào mùa mưa và mùa nắng. Trong mùa mưa, nước sông dâng cao đem phù sa màu mỡ đến khắp nơi trong vùng.

có lẽ một vài chữ là cần thiết hơn một cuộc sống tốt đẹp.

Đường phố Phnom Penh thường đông người qua lại, nhưng đám đông nhất hẳn nhiên xuất hiện trong ngày Prachem Ben, tức Ngày Phật của Kẻ Chết. Trong cái nóng chảy mỡ, nào là xe hơi, xe gắn máy, xe đạp thẳng hướng về phía các đền chùa trong thành phố. Ngoài ngôi chùa chính tại Wat Ounalom, gần phía sông, hướng dẫn viên của tôi, Men Saman, giải thích sự việc tôi quan sát được: “Mọi người chết đến các chùa chiến ngày hôm nay để tìm lại thân nhân. Nếu không tìm thấy, họ sẽ bị thần trách phạt và sẽ không thành công trong việc của họ.”

Chúng tôi vượt qua một khu phố toàn ăn mỳ, nhiều người trong số họ là những thương phế binh bị tật nguyền vì mìn ở vùng quê; cũng có nhiều em bé, phải rời làng vì mùa hè nước lụt đã biến toàn bộ miền nam Cam-bốt thành ra một biển hồ.

Chúng tôi đi theo đoàn người, hầu hết phụ nữ đều mặc sarong đen áo trắng, đi vào đền. Họ mang theo những mâm cơm và những chén chuối, gà, cá, bánh mì và trứng. Vào trong ngôi đền có trần cao mát mẻ, họ đặt thực phẩm xuống chân một nhà sư, là người đọc tên những người chết và cất lời khấn vái cho mỗi hương hồn.

Với những người chết cần được nhận biết, tôi đã trông đợi một không khí buồn rầu. Nhưng nhiều gia đình, sau khi đã dâng cúng, lại cho người đi khắp nơi trong ngôi chùa và, dưới đôi mắt hiền từ của pho tượng Phật vĩ đại, họ ăn và nói chuyện như đang dự một buổi picnic ngoài công viên. Trên thềm chùa, những gia đình cười vang thỉnh thoảng dừng lại để chụp hình. Một bà lão, nhìn thẳng vào mắt tôi, la lớn, “Ăn đi, ăn đi,” và

đưa tôi một tô cà-ri cá. Tôi nếm thử thức ăn của bà, sau đó bà nói khi tiễn biệt, “Xin chúc ông sống lâu.” Dĩ nhiên, đây là câu chúc truyền thống lâu đời của người Cam-bốt, nhưng dẫu sao tôi cũng đã nghe và thấy về những năm tháng của chế độ Khmer Đỏ, nó làm tôi đau nhói.

Trong hơn 2 ngàn dặm sông Mekong trông như một con sông lơ lững cô tịch, chảy siết với rất ít con xoáy cũng như khúc vòng ra biển, chỉ tiếp xúc với vài cộng đồng dân cư sống tản mác hai bên bờ.

Khi đến Việt Nam, con sông trở nên xa hoa và lung thung. Sông chảy vào Việt Nam làm hai nhánh, mà người Việt gọi là Tiền Giang (Sông Trên) và Hậu Giang (Sông Dưới). Sông chảy bằng qua vùng tam giác sắc (delta) rộng lớn và sình lầy—15,500 dặm vuông—rồi lại chia làm nhiều nhánh trở lại. Khi chảy vào biển Nam Hải, nó có tất cả bảy nhánh. Hai nhánh khác đã lấp đầy thành đất liền theo năm tháng nhưng

người Việt Nam, mang tư tưởng cho rằng số 9 là hên, vẫn gọi con sông là Cửu Long, hoặc Chín Rồng.

Trung nói, “Tôi muốn câu chuyện của tôi phải được kể ra ngoài. Người ta phải có thể giúp đỡ những nạn nhân vô tội đã chịu đựng đau khổ vì chiến tranh.”

Khung bắt đầu phát giọng rên ư ử. Cha cậu đi lại và lật mình cậu. Ông kéo tấm chăn mỏng che tấm thân vận vẹo của cậu, che mọi thứ ngoại trừ đôi bàn tay đẹp.

Từ Cà Mau tôi chỉ còn xuôi 35 dặm là đến cửa biển. Thực ra tôi muốn ra biển bằng thuyền đi biển, từ cảng cần thơ, nhưng các viên chức chính quyền từ chối không cho. Bây giờ tôi quyết định tiến ra từ Cà Mau, thuộc phía nam khu vực tam giác sắc.

Niệm, người thông dịch viên của tôi và cũng là người lo liệu cho tôi, may mắn tìm được một chiếc thuyền, một chiếc thuyền chở hàng dài 70 bộ có máy chân vịt. Với cặp mắt thường luồng ở hai bên thuyền, hẳn người ta có thể thấy đường.



Ông Nguyễn Văn Giang nuôi 27 ngàn cá trê dưới gầm nhà sàn của ông tại Việt Nam. Hàng ngày ông và con gái mở cửa trên sàn ở phòng khách cho cá ăn. Đàn máy hát và chiếc ti-vi là kết quả của sự thành công của ông.

Cuộc phiêu lưu dẫn chúng tôi xuyên qua vùng U Minh—“vùng rừng bóng tối”—Người ta nói với tôi rằng chiến tranh đã làm rừng u chột, nó đã được trồng lại, và nay lại bị đe dọa. Một dòng liên tục những thuyền, lớn có nhỏ có, vượt qua chúng tôi, mỗi thuyền đều làm bằng gỗ đốn từ trong rừng.

Xa hơn về phía nam khu rừng đã bị đốn bằng, còn mặt đất nơi này thì được xén thành những rãnh nuôi tôm. Đường như người Nhật không có đủ tôm xu, loại tôm hùm dài ba inch lưới được từ sông ngòi Việt Nam.

Sự bộc phát đột ngột của tiền tôm đã tạo thành một khu phố sầm uất trong đó có một ngôi làng tên Nam Cần. Chúng tôi đặt chân lên bờ và nhận rằng cuộc sống tại đây tập trung quanh Nhà Máy Sản Xuất Tôm 29, là một nhà máy do nhà nước làm chủ. Chúng tôi đến ngay giờ tan sở dòng người trong số 830 công nhân nhà máy ầm ầm ra khỏi cổng. Tôi được biết số lương trung bình của mỗi người là 300 ngàn đồng, tức khoảng 25 mỹ kim, một tháng. Gần gấp đôi số lợi tức trung bình toàn quốc tính trên mỗi đầu người.

Nguyễn Trường Giang, 20 tuổi, phó giám đốc nhà máy, đã mô tả về ảnh hưởng của nhà máy đối với cuộc sống trong vùng: “Chúng tôi có khách sạn, nhà hàng, trung học cấp I và cấp II, với một hệ thống điện năng vừa được dẫn tới đây! Dân số khu này đã gia tăng gần gấp đôi, tới mức 82,000.”

Nam Cần có cái dáng dấp của một thị xã đang phát triển mạnh. Về đêm gái điếm trong những bộ đồ hở hang lượn qua lượn lại trong vườn bia khách sạn. Những dòng nhạc pop lạnh người được bật lớn từ radio. Trai trẻ rủ nhau đi dọc theo ao trước để tìm vui.

Nhưng cũng có những đe dọa. Một sáng nọ ở nhà máy tôm tôi quan sát 700 phụ nữ trong đồng phục trắng rửa tôm tại bàn sắt. Bất thành linh công việc của họ bị gián đoạn—tất cả đều dán mắt vào màn ảnh ti-vi đang nói về cách chống bệnh AIDS. Viên quản lý cho biết một số trường hợp đã xảy ra trong thị xã. Đêm đó quang cảnh cũng giống như vậy—trong khu phố đang phát triển, AIDS chẳng qua chỉ là cái liều của những kẻ tiên phong.

Tại nam Nam Cần, tôi nghĩ thấy mùi muối trong không khí và nếm nó trong lớp bột văng lên từ cuối thuyền. Nhưng trước khi tới biển, Niệm quyết định thuyền của chúng tôi phải dừng lại tại một trạm kiểm soát.

Bốn công an lên thuyền. Họ nói chúng tôi có thể đến cửa biển nhưng không được tiến vào. Họ không giải thích. Việc này khiến tôi rất thất vọng nhưng không ngạc nhiên. Thăm hiem dọc theo sông Mekong đã là cơ hội ngay từ giây phút đầu. Trong mọi quốc gia ngoại trừ Thái-lan việc giới hạn đi lại đối với du khách Tây Phương đều được áp dụng. Có lẽ sông Mekong đã làm chính quyền những nước này hồi hộp. Một con sông đầy hiệu năng là cái mà họ không thể kiểm soát.

Chúng tôi ra ngoài cách cửa biển khoảng một phần tư dặm, đủ gần để trông thấy những tấm lưới cá, giăng dọc theo những lườn cát và hướng về phía vịnh Thái-lan xa xa. Sau đó công an ra lệnh cho người lái thuyền quay về.

Hoàng hôn buông xuống khi chúng tôi trở lại Cà Mau. Những chú dơi khổng lồ bay quần trên bầu trời. Những chú hạc bay về phía bãi bùn. Chẳng bao lâu chúng tôi lọt vào một đợt thuyền di chuyển chậm chạp, cùng với dân chài lưới, người đốn gỗ, học

sinh, người đi chợ, tất cả cùng theo một nhịp điệu cũ rích của sự di chuyển trên dòng Mekong.

Trong đêm tối chúng tôi hầu có thể quên được bóng tối chiến tranh và những tai họa đã xảy ra quá thường xuyên cho vùng đất cổ này, để hình dung ra nước sông Cửu Long, chảy như một con rồng sáng láng—một linh hồn ngây thơ, có quyền năng, ban phát sự sống—xuyên qua trái tim của vùng Đông Nam Á.

Đọc bài phóng sự trên, chúng ta có thể nảy ra trong đầu những câu hỏi như,

— Có thể xây đập thủy điện trên sông Cửu Long, trong lãnh thổ Việt Nam, hay không?

— Thuốc khai quang Agent Orange có gây nguy hại thật sự hay không, hay những mẩu chuyện trên chỉ là sự sắp xếp của Việt Cộng?

Câu trả lời xin dành cho mỗi bạn đọc!!! □

Ghi Chú: Thiên phóng sự “Mekong, The Haunted River’s Season of Peace” của Thomas O’Neill, hình ảnh do nhiếp ảnh gia Michael S. Yamashita chụp, đều được trích dịch từ tạp chí National Geographic, số tháng 2, 1993.

